

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 17-08-2018.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huynh.

2. Ông Nguyễn Văn Ngẫu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Ngọc Nam, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 215/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Lê Nhi P**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 1226, tổ 10, ấp Tập Phước, xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. “Có mặt”

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: tổ 2, ấp Xóm Gò, xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 03 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn-bà Phạm Lê Nhi P trình bày:

Bà và ông T chung sống với nhau từ năm 1990 trên cơ sở tự nguyện nhưng không có làm thủ tục đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống không có hạnh phúc vì khi vợ chồng gây gổ ông T hay rượt đuổi đánh bà. Lý do mâu thuẫn là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm dẫn tới thường xuyên cãi nhau.

Nay xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Trọng Phú, sinh ngày 25/01/1995 và Nguyễn Phạm Hồng Hưởng, sinh ngày 31/03/1993. Các con đều đã trưởng thành.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

* Trong biên bản lấy lời khai đề ngày 14 tháng 05 năm 2018, bị đơn- ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông và bà Phạm Lê Nhi P chung sống năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống thì vợ chồng hạnh phúc. Từ ngày mùng 8 tết âm lịch năm nay, ông và bà P có xảy ra mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, buôn bán. Khi mâu thuẫn ông có đánh bà P. Từ đó đến nay, bà P bỏ nhà đi không về và ông có đi tìm nhưng không gặp. Nay xét thấy mâu thuẫn chưa trầm trọng nhưng ông còn yêu thương vợ con nên ông muốn đoàn tụ gia đình và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 2 con chung là Nguyễn Trọng Phú, sinh ngày 25/01/1995 và Nguyễn Phạm Hồng Hưởng, sinh ngày 31/03/1993. Các con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-bà Phạm Lê Nhi P, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông T, về con chung: đã trưởng thành nên không xem xét, tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn- ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng

đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn-ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: bà P và ông T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 1990 nhưng có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Bà P khởi kiện về tranh chấp ly hôn nhưng do quan hệ hôn nhân của ông bà được xác lập sau ngày 03/01/1987 nên không được xem là hôn nhân thực tế mà căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa.

- Về con chung: có 2 con chung là Nguyễn Trọng Phú, sinh ngày 25/01/1995 và Nguyễn Phạm Hồng Hưởng, sinh ngày 31/03/1993. Các con đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà P được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 1986, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000.

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội Về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn-bà Phạm Lê Nhi P.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Lê Nhi P và ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: có 2 con chung là Nguyễn Trọng Phú, sinh ngày 25/01/1995 và Nguyễn Phạm Hồng Hưởng, sinh ngày 31/03/1993. Các con đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

2. Về án phí: Bà Phạm Lê Nhi P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 002076 ngày 04/04/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. (bà P đã nộp đủ án phí)

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ngẫu – Phạm Văn Huỳnh

Nguyễn Trí Hoàng

*** Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trí Hoàng